TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 588/2024/HS-PT
Ngày 23 – 7 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tửu

Ông Hà Huy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Duy Minh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 303/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo Lê Minh Đ và Cao Thị Hồng T.

Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Minh Đ, sinh năm 1993 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi thường trú: khu phố F, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 và Trần Thị H; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/5/2022 đến nay (có mặt).

2. Cao Thị Hồng T, sinh năm 1997 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi thường trú: An Chỉ, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Cao Văn Q và bà Nguyễn Thị M; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại:

1. Trương Khắc T2, sinh năm 1996 (có mặt);

2. Hoàng Thảo Y, sinh năm 1998 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: cửa hàng Đ3, tổ C, ấp Đ, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

3. Phạm Xuân T3, sinh năm 1998; địa chỉ: cửa hàng Đ4, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

4. Nguyễn Thị D, sinh năm 1996;

5. Nguyễn Đăng L, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ tạm trú: khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

6. Nguyễn Như Ý, sinh năm 1979; nơi đăng ký thường trú: ấp C, xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký tạm trú: Lô A, đường D, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Trần Minh H1, sinh năm 1990; địa chỉ: khu phố D, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

2. Phan Thị H2, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn Y, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

3. Nguyễn Thị T4, sinh năm 1980; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện L, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

(Ngoài ra trong vụ án này còn có các bị cáo Bùi Văn B, Hồ Văn H3, Hoàng Mạnh V và Phan Văn N không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Văn B, Hồ Văn H3, Nguyễn Duy P, Nguyễn Duy Đ1, Hoàng Mạnh V, Phan Văn N và đối tượng tên C (chưa rõ lai lịch) không có nghề nghiệp ổn định và là bạn với nhau, thường xuyên gặp nhau tổ chức ăn uống. Lê Minh Đ và Cao Thị Hồng T là bạn với nhau và thường xuyên mua bán điện thoại qua lại với nhau.

Trong thời gian từ tháng 03/2022 đến tháng 05/2022 Bùi Văn B, Hồ Văn H3 cùng đồng phạm thực hiện các vụ trộm cắp tài sản như sau:

Vụ thứ 1:

Vào khoảng 00 giờ ngày 31/3/2022, Nguyễn Duy Đ1 điện thoại rủ Bùi Văn B đi đến cửa hàng Đ3 ở ấp Đ, xã P, huyện P để trộm cắp tài sản thì B đồng ý (do Đ1 và B đã đi khảo sát vị trí trước đó 02 ngày). Lúc này, B gọi điện thoại rủ Hồ Văn H3 cùng tham gia thì H3 đồng ý. B điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) mượn của Nguyễn Duy P đi đến phường M, thị xã B đón H3 rồi cả hai đi đến vòng xoay A, thành phố T gặp Đ1 và C (bạn Đ1 không rõ lai lịch). C chở Đ1 bằng xe mô tô hiệu AirBlade không rõ biển số đem theo 01 ba lô màu đen bên trong có đồ phá cửa, H3 chở B đi đến của hàng điện thoại Hưng P1 thì dừng lại. Tại đây, Đ1 lấy trong ba lô 01 kìm cắt thép và 01 thanh sắt hình chữ T một đầu mài nhọn còn H3 và C điều khiển xe đi đến cổng khu Công nghiệp T đối diện cửa hàng Đ3 để cảnh giới. Đ1 dùng kìm cắt lưới B40, sau đó lấy khăn bịt mặt, bao tay trong ba lô ra rồi cả Đ1 và B đeo vào đi đến cửa sau cửa hàng, Đ1 dùng thanh sắt hình chữ T mở cửa đi vào bên trong cửa

hàng, Đ1 và B đi đến tủ trưng bày điện thoại lấy trộm tất cả các loại điện thoại di động trong tủ bỏ vào 02 thùng giấy rồi giao cho H3 chở đến cổng khu Công nghiệp T giấu. Đ1 và B tiếp tục vào trong cửa hàng Đ3 lấy trộm điện thoại để vào trong tấm chăn lấy trong cửa hàng rồi B đem ra phía ngoài còn Đ1 lấy 10.000.000 đồng trong tủ cất vào túi nylon đem ra ngoài. Đ1 điện thoại cho H3 đến chở B và Đ1 đi đến nơi H3 giấu điện thoại, khi đi đến cổng khu Công nghiệp T thì Đ1 sang xe cho C chở còn H3 chở B. Cả 04 đến khu vực H3 giấu điện thoại thì dừng lại B, Đ1, C, H3 lấy số điện thoại không có hộp để vào ba lô, còn thùng giấy đựng điện thoại còn hộp để lên xe mô tô hiệu Vision, những điện thoại trong tấm chăn thì để vào trong cốp xe AirBlade rồi chở về phòng trọ của P ở khu M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Tại đây, Đ1, H3, B, C đếm được hơn 140 cái điện thoại các loại Sang Sung, O, V1, …và số tiền mặt trong bịch đen 10.000.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, B điện thoại cho Lê Minh Đ ở phường T, thị xã B và đem bán cho Đ 27 cái điện thoại di động các loại với giá 45.000.000 đồng, sau đó Đ đem đến cửa hàng điện thoại 179 ở phường M bán cho Cao Thị Hồng T 50.000.000 đồng. Bính điện thoại cho Trần Minh H1 ở phường M để bán điện thoại, H1 hẹn gặp B ở phường T, thị xã B nơi H1 đang uống cà phê. H3 chở B đem điện thoại đến gặp H1, khi đến nơi H3 đứng phía ngoài còn B vào quán cà phê gặp H1 nói cần về quê gấp nên bán hết điện thoại trong cửa hàng nên H1 xem và mua 17-18 cái điện thoại các loại Oppo, V1, X giá 50.000.000 đồng, H1 chuyển tiền 50.000.000 đồng vào tài khoản cho B. Khi H1 chuyển tiền xong thì B nói còn điện thoại ở cửa hàng nên hỏi H1 có mua thêm không thì H1 đồng ý mua và nói B đem đến cửa hàng của H1 ở phường M. B đi về phòng trọ lấy điện thoại đem đến cửa hàng của H1, H1 xem xong mua 10 cái điện thoại các loại Oppo, V1, X… và đưa tiền mặt cho Bính 22.000.000 đồng. Số điện thoại còn lại ở phòng trọ Bính bán cho Nguyễn Duy P. Số tiền bán điện thoại trên các bị can chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ 2:

Vào khoảng 02 giờ ngày 12/5/5022 B và H3 thuê xe taxi đến khu vực huyện B, tỉnh Bình Dương, sau đó B và H3 đi bộ đến địa điểm bãi đất trống lấy dụng cụ đi trộm trước đó H3 và B cất giấu. Sau đó cả 02 đi bộ đến Ki ốt nhà trọ thuộc đường D, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương của bị hại Nguyễn Thị D. B dùng dùi sắt đem theo mở cửa rồi cả 02 đi vào trong kiốt lấy trộm xe mô tô Exciter biển số 48B1- 655.45 và xe mô tô Future biển số 48B1-731.39 đem bán cho người tên H4 ở khu vực cầu Ô, thành phố T được 20.000.000 đồng chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ 3:

Vào khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 15/5/5022 B và H3 thuê xe taxi đến khu vực huyện B, tỉnh Bình Dương, sau đó B và H3 đi bộ đến địa điểm bãi đất trống lấy dụng cụ đi trộm trước đó H3 và B cất giấu. Sau đó, cả 02 đi bộ đến kiốt thuộc Lô A, đường D, khu phố B, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương của bị hại Nguyễn Như Ý. B và H3 nhìn thấy trong kiột có 01 xe mô tô nên B dùng dùi sắt đem theo cắt cửa rồi cả 02 đi vào trong kiốt lấy trộm xe mô tô Vario biển số 61K1- 233.00 đem bán cho người tên H4 ở khu vực cầu Ô, thành phố T được 12.000.000 đồng chia nhau tiêu xài hết.

Vụ thứ 4:

Vào khoảng 16 giờ 30, ngày 16/5/2022, B chở H3 bằng xe mô tô hiệu Sirius biển số 71B1-725.44 đi đến của hàng điện thoại di động P, khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương để khảo sát vị trí vào lấy trộm điện thoại và đem 01 túi nylon chứa dụng cụ phá khóa cửa cất gần khu vực cửa hàng Đ4 3 khoảng 500m rồi cả 02 đi về phòng trọ của Phan Văn N ở phường C, thị xã B thì thấy Hoàng Mạnh V đang ở đây (do H3 gọi rủ M1 đi ăn trộm trước đó). Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 17/5/2022 N đi làm về thì B nói N chở B lên B xíu thì N đồng ý chở B đi đến bãi đất trống thì N để B ở lại rồi đi về, còn Hồng điều khiển xe mô tô hiệu Sirius chở V đi đến sau. Khi B, V, H3 gặp nhau thì H3 đem xe giấu ở bụi cỏ gần đó rồi cả 03 đi đến nơi giấu dụng cụ trộm cắp lấy bao tay để đeo vào tay, chân, khăn chùm mặt lên đầu rồi Bính xách túi nylon chứa dụng cụ trộm cắp cùng H3 và V đi bộ vào cửa hàng điện thoại Phú Cường 3 cắt cửa vào bên trong lấy trộm tài sản. H3 cầm bình xịt hơi cay đứng phía cầu thang để cảnh giới, B và V lấy trộm điện thoại trong tủ kính để vào trong 02 thùng giấy sau đó Vũ ôm 01 thùng, H3 ôm 01 thùng ra ngoài bãi đất trống cất giấu, còn B đi lên cầu thang đi lên gác phòng ngủ của vợ chồng bị hại Phạm Xuân T3 lấy trộm 01 điện thoại Iphone 11 Promax màu trắng, 01 Iphone 12 màu đỏ và đi xuống tủ tiếp tục lục lấy trộm 3.000.000 đồng rồi đi ra ngoài giấu 02 điện thoại này trong bịch nylon ở gốc tràm gần cửa hàng, B đi đến khu vực H3 và V đang đứng. Tại đây, B lấy tất cả điện thoại trộm được cất vào ba lô và ngồi lên xe Sirius cho H3 chở về phòng trọ của N còn Vũ bắt taxi về phòng trọ của N sau. Khi về đến phòng trọ thì N ra mở cửa. Tại đây, mọi người ngồi đếm được 53 cái điện thoại di động các loại. Khi mọi người ngồi đếm điện thoại N ngồi kế bên và hỏi "ở đâu nhiều vậy" thì B nói "mới đi làm về" (ý nói mới đi lấy trộm về) nên B cho N 01 cái điện thoại Iphone 8 Plus màu vàng hồng để dùng và cho 800.000 đồng còn B lấy 01 cái điện thoại I phone 11 Promax màu trắng để sử dụng, H3 lấy 01 cái điện thoại I phone 11, màu xanh để sử dụng, V lấy 01 cái điện thoại I phone 11 màu xanh để sử dụng. Sau đó mọi người đi ngủ đến khoảng 07 giờ cùng ngày B đem 49 cái điện thoại các loại trộm được của cửa hàng Đ4 đến bán cho Đ 95.000.000 đồng. Đ nhận được điện thoại kiểm tra thấy có 01 cái có định vị, sợ bị phát hiện nên đem vứt ở khu đất trống (không xác định được) và bán 02 cái trên chợ tốt được 13.000.000 đồng, 01 cái điện thoại Iphone X 64GB bị hỏng nên Đ đem đến của hàng điện thoại của Đ2 nhờ Đ2 sửa, còn lại 45 cái điện thoại các loại Đ đem đến bán cho T. Ngày 18/5/2022 B và H3 đi đến lấy 02 cái điện thoại giấu ở gốc tràm gần cửa hàng Đ4 thì bị bắt giữ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 25 ngày 05/4/2022 của Hội đồng định giá huyện P, tỉnh Bình Dương kết luận: Điện thoại các loại bị thiệt hại tổng giá trị là: 723.150.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 24 ngày 25/5/2022 của Hội đồng định giá huyện B, tỉnh Bình Dương kết luận: Điện thoại các loại bị thiệt hại tổng giá trị là: 228.030.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 26 ngày 26/5/2022 của hội đồng định giá huyện B, tỉnh Bình Dương kết luận: Xe mô tô loại Exciter 150 biển số 48B1-655.45 trị giá là: 27.000.000 đồng; Xe mô tô loại Future fi biển số 48B1-731.39 trị giá là: 39.000.000 đồng;

Tại Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 27 ngày 26/5/2022 của hội đồng định giá huyện B, tỉnh Bình Dương kết luận: Xe mô tô loại Vario biển số 61K1-233.00 trị giá là: 40.800.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, đã tuyên xử:

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

1. *Về tội danh*: Tuyên bố các bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. *Về hình phạt*:

-Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323, Điều 38, Điều 58, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Lê Minh Đ 05 (năm) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2022.

-Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323, Điều 38, Điều 58, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Cao Thị Hồng T 04 (bốn) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. *Về trách nhiệm dân sự*: Buộc các bị cáo Bùi Văn B và Hồ Văn H3 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị D số tiền 27.000.000 đồng (trị giá xe mô tô 48B1-655.45); và số tiền là 39.000.000 đồng (trị giá xe mô tô 48B1-731.39).

- Buộc các bị cáo Bùi Văn B và Hồ Văn H3 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Nguyễn Như Ý số tiền 40.800.000 đồng (trị giá xe mô tô 61K1-23300).

- Buộc bị cáo Lê Minh Đ có trách nhiệm tiếp tục bồi thường cho bị hại Phạm Xuân T3 số tiền 17.500.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Bùi Văn B, Hồ Văn H3, Hoàng Mạnh V có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Phạm Xuân T3 số tiền 2.200.000 đồng.

- Buộc các bị cáo Bùi Văn B, Hồ Văn H3, Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trương Khắc T2 số tiền 667.350.000 đồng;

- Buộc các bị cáo Bùi Văn B, Hồ Văn H3 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trương Khắc T2 số tiền mặt 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Bùi Văn B, Hồ Văn H3 và Hoàng Mạnh V phạm tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo Phan Văn N phạm tội "Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"; phần xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp, thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/3/2024, bị cáo Cao Thị Hồng T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 20/3/2024, bị cáo Lê Minh Đ kháng cáo một phần bản án về phần hình phạt và trách nhiệm dân sự, theo hướng xin giảm nhẹ hình phạt và không đồng ý về việc buộc bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trương Khắc T2 số tiền 667.350.000 đồng, đề nghị tách phần trách nhiệm bồi thường đối với từng bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm như sau:

Tòa án cấp sơ thẩm xử các bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là có căn cứ đúng pháp luật. Xét mức án mà Tòa sơ thẩm xử các bị cáo là tương xứng tính chất mức độ và hành vi phạm tội của các bị cáo, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Đối với kháng cáo không đồng ý về việc buộc bị cáo Đ có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Trương Khắc T2 số tiền 667.350.000 đồng, xét thấy bị cáo Đ không phải đồng phạm với bị cáo B về tội "Trộm cắp tài sản", nên việc buộc bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bị cáo B bồi thường cho người bị hại là chưa đảm bảo căn cứ pháp luật, cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại, bị cáo về trách nhiệm bồi thường. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đ; hủy phần dân sự trong bản án hình sự sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo mong muốn được Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Mặc dù biết rõ điện thoại các loại mà Bính bán cho mình là do phạm tội mà có. Tuy nhiên Lê Minh Đ mặc dù không hứa hẹn trước nhưng vẫn mua 02 lần. Lần một mua 27 điện thoại, đây là tài sản do Nguyễn Duy Đ1, B, H3 và tên C lấy trộm của ông Trương Khắc T2 tại cửa hàng điện thoại H ngày 31/3/2022, trị giá 101.350.000 đồng; Lần 2 mua 49 điện thoại các loại từ B (trong đó có 01 điện thoại, Đ1 đem vứt bỏ và bán 02 cái trên chợ tốt, 01 cái điện thoại Iphone X 64GB bị hỏng,

còn lại 45 điện thoại bán cho T), đây là tài sản do B, H3 và V lấy trộm của ông Phạm Xuân T3 tại cửa hàng điện thoại di động Phú Cường 3 ngày 17/5/2022 trị giá 167.030.000 đồng; tổng số tài sản Đ1 tiêu thụ là 268.380.000 đồng.

Cao Thị Hồng T cũng biết rõ tài sản do Đ1 bán là bất hợp nhưng vẫn mua từ Lê Minh Đ. Lần một mua 27 điện thoại các loại trị giá 101.350.000 đồng để bán lại hưởng lợi và lần hai mua 45 điện thoại các loại của bị cáo Lê Minh Đức trị g 130.530.000 đồng, tổng số tài sản Thoa tiêu thụ là 231.880.000 đồng.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự và an toàn xã hội; các bị cáo nhận thức hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là hành vi vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam, tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, cũng như nhân thân của các bị cáo và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt các bị cáo mức án 04 và 05 năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" là tương xứng hành vi phạm tội, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo kháng cáo nhưng không có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[3.2] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm quy kết các bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên Tòa sơ thẩm buộc các bị cáo Lê Minh Đ và Cao Thị Hồng T phải chịu trách nhiệm liên đới cùng các bị cáo bị xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" phải bồi thường cho các bị hại giá trị tài sản không thu hồi được là không có căn cứ, không đúng quy định của pháp luật. Vì:

- Hai tội danh mà Tòa sơ thẩm tuyên bố các bị cáo phạm tội trong vụ án có khách thể xâm phạm khác nhau. Đối với tội *"Trộm cắp tài sản"* khách thể bị xâm phạm là quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, cá nhân; Còn tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" khách thể bị xâm phạm là trật tự, an toàn xã hội. Vì thế các bị cáo Đ và T không đồng phạm với các bị cáo bị xét xử về tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Một trong các biện pháp Tư pháp áp dụng đối với người phạm tội được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 2015 "*Trả lại tài sản, sửa chữa*

hoặc bồi thường thiệt hại; buộc công khai xin lỗi" theo nguyên tắc quy định tại Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự là *"Người phạm tội phải trả lại **tài sản đã chiếm đoạt** cho chủ sở hữu hoặc người quản lý hợp pháp, phải sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội gây ra".*

Các bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T không thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, không đồng phạm trong tội trộm cắp tài sản nên không có nghĩa vụ bồi thường như tòa sơ thẩm tuyên buộc.

Do đó kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của bị cáo Lê Minh Đ là có căn cứ. Tuy nhiên do phải xác định trách nhiệm bồi thường thiệt hại do nhiều người gây ra theo quy định tại Điều 587 Bộ luật dân sựnăm 2015: *"Trường hợp nhiều người cùng gây thiệt hại thì những người đó phải liên đới bồi thường cho người bị thiệt hại. Trách nhiệm bồi thường của từng người cùng gây thiệt hại được xác định tương ứng với mức độ lỗi của mỗi người; nếu không xác định được mức độ lỗi thì họ phải bồi thường thiệt hại theo phần bằng nhau"*; cũng như nguyên tắc thực hiện nghĩa vụ liên đới theo quy định tại Điều 288 BLDS chưa được Tòa sơ thẩm xem xét, đánh giá. Đồng thời cũng chưa xác định các bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T tiêu thụ tài sản có thu lợi bất chính hay không để xử lý theo quy định tại Điều 46, Điều 47 và Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xét thấy để đảm bảo trong việc xét xử đúng quy định của pháp luật, cũng như đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bị hại, bị cáo về trách nhiệm bồi thường. Do đó chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Minh Đ, hủy phần dân sự trong bản án hình sự sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm:

Do kháng cáo được chấp nhận một phần, hủy phần dân sự trong bản án hình sự sơ thẩm nên các bị cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về phần hình phạt.

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Về hình phạt:

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323, Điều 38, Điều 58, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Minh Đ 05 (*năm*) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 323, Điều 38, Điều 58, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Cao Thị Hồng T 04 (*bốn*) năm tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

*Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, điểm đ khoản 2 Điều 358 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Minh Đ.

Hủy phần trách nhiệm dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 21/2024/HS-ST ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết lại phần trách nhiệm dân sự.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Lê Minh Đ, Cao Thị Hồng T không phải chịu.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bình Dương;
(Tống đạt cho các bị cáo) (2);
- Đương sự (9);
- Lưu (6). HS (2) 24b (Án 36)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Long